

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 3/6
KỲ THI NGÀY 03/7/2022
(Kèm theo Quyết định số: 34/QĐ-NNTH ngày 08 tháng 7 năm 2022)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
1	Nguyễn Hoàng Anh	29/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	9,0	7,5	8,0	8,0	Đạt	
2	Nguyễn Thanh Bảo	12/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,5	6,5	7,0	7,0	Đạt	
3	Lê Thị Bích	08/08/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	5,5	7,0	5,0	6,0	Đạt	
4	Trương Thị Kim Chung	02/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,0	5,0	7,0	Đạt	
5	Mai Tiến Đạt	11/07/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,5	6,5	7,0	7,0	Đạt	
6	Trương Tuấn Đạt	07/11/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	6,0	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
7	Võ Thị Hà	01/05/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,5	7,0	7,5	Đạt	
8	Bùi Thiên Hải	11/07/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,5	7,0	7,0	Đạt	
9	Lưu Hoàng Hải	17/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
10	Bùi Thị Thúy Hằng	12/08/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	7,0	7,0	7,5	Đạt	
11	Hà Thị Hân	20/11/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	6,0	5,0	6,5	Đạt	
12	Nguyễn Thị Minh Hiền	31/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,5	6,0	6,0	6,5	Đạt	
13	Nguyễn Thu Hiền	26/01/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	6,0	8,5	6,5	6,0	7,0	Đạt	
14	Nguyễn Văn Hiền	03/08/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,5	7,0	6,0	7,0	Đạt	
15	Huỳnh Ngọc Hiệp	12/04/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,5	6,0	6,0	7,0	Đạt	
16	Võ Thị Hoa	17/10/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,5	7,0	7,0	7,0	Đạt	
17	Lương Bảo Hòa	01/12/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,5	7,0	7,5	Đạt	
18	Nguyễn Thị Hồng Hoanh	10/01/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,0	6,0	5,0	6,5	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
19	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	20/01/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	8,0	5,0	6,0	6,0	Đạt
20	Võ Văn	Hồng	25/12/1975	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,5	7,0	6,0	7,0	Đạt
21	Lương Công	Huân	17/02/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,5	7,0	5,0	7,0	Đạt
22	Nguyễn Thị	Huệ	24/12/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,0	5,0	7,0	Đạt
23	Lê Phước	Hùng	05/12/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	6,5	7,0	6,0	6,0	Đạt
24	Trần Đức	Hùng	20/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,5	7,0	6,0	7,0	Đạt
25	Nguyễn Thị Như	Huyền	21/09/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,0	6,0	7,0	Đạt
26	Trần Tiến	Hưng	23/11/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,5	7,0	5,0	7,0	Đạt
27	Bùi Thị	Hường	31/12/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	7,5	7,0	4,0	6,0	Đạt
28	Nguyễn Ngọc	Kiểm	19/12/1979	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	6,5	4,0	6,0	Đạt
29	Phạm Thị Thúy	Kiều	14/10/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	7,5	7,0	3,0	5,5	Đạt
30	Nguyễn Tấn	Khánh	21/09/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	6,0	5,0	6,0	Đạt
31	Phạm Trung	Khuê	13/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	H're	6,5	8,0	6,0	7,0	7,0	Đạt
32	Đỗ Thanh	Lịch	26/04/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,5	6,0	6,0	6,5	Đạt
33	Phạm Ngọc Khánh	Linh	07/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,0	6,5	7,0	6,5	Đạt
34	Trịnh Thị Du	Linh	23/09/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	7,5	7,0	8,0	7,0	Đạt
35	Nguyễn Hữu	Lợi	02/05/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	7,0	5,0	6,5	Đạt
36	Phùng Thị Hồng	Lợi	01/01/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	7,5	6,5	5,0	6,0	Đạt
37	Phạm Quang	Luân	02/02/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	6,5	4,0	6,0	Đạt
38	Nguyễn Phương	Nam	08/05/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	7,0	4,0	6,0	Đạt
39	Trần Thị Ánh	Nguyệt	02/01/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	8,0	7,0	7,0	6,5	Đạt
40	Cao Văn	Nhân	09/05/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	6,0	7,0	6,5	Đạt
41	Lê Thị Thu	Nhi	20/07/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	7,5	7,0	6,0	6,5	Đạt
42	Nguyễn Thành	Phước	05/10/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	7,5	6,5	8,0	7,0	Đạt

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
43	Võ Thị Phước	15/12/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,0	7,5	4,0	6,0	Đạt	
44	Hồ Ngọc Phương	04/01/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	7,0	4,0	6,0	Đạt	
45	Trần Thị Phụng	08/08/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	6,0	6,0	6,5	Đạt	
46	Võ Văn Sỹ	21/05/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	7,0	7,0	7,0	Đạt	
47	Mai Thu Trâm	06/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	6,5	4,5	6,0	Đạt	
48	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/11/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,0	4,5	6,5	Đạt	
49	Võ Văn Tân	12/09/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,5	7,0	5,0	6,5	Đạt	
50	Nguyễn Minh Đức Tấn	03/02/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,5	6,5	5,0	6,5	Đạt	
51	Đinh Thị Tiêu	20/10/1995	Quảng Ngãi	Nữ	H're	5,0	8,5	6,5	4,0	6,0	Đạt	
52	Tô Văn Tín	17/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	6,5	5,0	4,0	5,0	Đạt	
53	Bùi Tá Tú	09/07/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	6,5	3,0	7,0	5,5	Đạt	
54	Phan Thanh Tuấn	02/06/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,5	6,0	4,0	6,0	Đạt	
55	Phạm Viết Thành	08/11/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,5	6,0	4,0	6,0	Đạt	
56	Phạm Thị Thu Thảo	20/12/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,5	7,0	6,0	7,0	Đạt	
57	Hồ Thị Thanh Thâm	15/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Co	5,0	8,5	6,5	6,0	6,5	Đạt	
58	Trần Thị Kim Thoa	28/07/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	9,0	8,0	6,0	7,0	Đạt	
59	Nguyễn Xuân Thống	03/03/1983	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	9,0	7,0	6,0	7,0	Đạt	
60	Trịnh Hiền Thu	04/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,5	7,0	7,0	Đạt	
61	Nguyễn Thị Thùy	16/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	6,0	6,0	6,5	Đạt	
62	Nguyễn Thị Thanh Thúy	27/04/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,5	6,0	7,0	Đạt	
63	Nguyễn Thị Minh Thư	08/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,5	6,0	7,0	Đạt	
64	Cao Thị Kiều Trang	05/05/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,5	6,0	7,0	Đạt	
65	Hồ Thị Minh Trâm	10/09/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	6,5	6,0	6,5	Đạt	
66	Nguyễn Văn Trí	25/05/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	7,5	6,5	5,0	6,0	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
67	Nguyễn Viết Triều	02/02/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,5	6,0	6,5	Đạt	
68	Thới Thành Trung	23/02/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,5	6,0	5,0	6,5	Đạt	
69	Nguyễn Thị Khánh Uyên	17/10/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,5	7,5	6,0	7,0	Đạt	
70	Lê Thị Cẩm Vân	25/05/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	7,0	5,0	6,5	Đạt	
71	Bùi Tấn Vĩ	18/02/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
72	Nguyễn Thế Viên	28/11/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,0	6,5	6,0	6,5	Đạt	
73	Trần Thị Việt	30/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	6,5	6,0	6,5	Đạt	
74	Đinh Thanh Đa Vít	20/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	9,0	6,0	5,0	6,5	Đạt	
75	Nguyễn Minh Trí	14/01/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	7,0	6,0	6,5	Đạt	
76	Nguyễn Thành	12/06/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	9,0	7,0	5,0	6,5	Đạt	
77	Trần Thị Hồng	05/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,5	6,0	6,0	6,5	Đạt	
78	Trần Thế Vỹ	10/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,0	7,0	6,0	7,0	Đạt	
79	Nguyễn Thị Xuân	10/10/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,5	7,0	5,0	6,5	Đạt	
80	Phan Thị Như Ý	08/02/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5,0	8,5	6,5	7,0	7,0	Đạt	

Danh sách này có: 80 thí sinh.